

Stt	Chi nhánh	Thời gian bắt đầu (ngày/tháng/năm)	Thời gian kết thúc (ngày/tháng/năm)
1	Bến Lức	11/8/2025	30/11/2025
2	Bến Nghé	15/8/2025	30/11/2025
3	Bến Tre	12/8/2025	29/11/2025
4	Biên Hòa	1/8/2025	30/11/2025
5	Biên Hoà Đông	15/8/2025	30/11/2025
6	Bình Chánh	15/8/2025	30/11/2025
7	Bình Tân	1/8/2025	30/11/2025
8	Bình Thạnh	15/8/2025	30/11/2025
9	Cần Đước	1/8/2025	30/11/2025
10	Cần Giờ	1/8/2025	30/11/2025
11	Cao Lãnh	11/8/2025	30/11/2025
12	Châu Thành	1/8/2025	30/11/2025
13	Củ Chi	11/8/2025	30/11/2025
14	Đông Sài Gòn	11/8/2025	30/11/2025
15	Đức Hòa	1/8/2025	30/11/2025
16	Gò Vấp	1/8/2025	30/11/2025
17	Hóc Môn	1/8/2025	30/11/2025
18	Long Thành	1/8/2025	30/11/2025
19	Long Xuyên	15/8/2025	30/11/2025
20	Mỹ Tho	1/8/2025	30/11/2025
21	Nhơn Trạch	11/8/2025	30/11/2025
22	Quận 12	1/8/2025	30/11/2025
23	Quận 6	1/8/2025	30/11/2025
24	Quận 7	11/8/2025	30/11/2025
25	Quận 8	8/8/2025	30/11/2025
26	Sa Đéc	1/8/2025	30/11/2025
27	Tân An	1/8/2025	30/11/2025
28	Tây Ninh	1/8/2025	30/11/2025
29	Thủ Dầu Một	1/8/2025	30/11/2025
30	Thủ Đức	1/8/2025	30/11/2025
31	Thuận An	5/8/2025	30/11/2025
32	Trảng Bom	10/8/2025	30/11/2025
33	Trung An	1/8/2025	30/11/2025
34	Vĩnh Long	15/8/2025	30/11/2025